TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HƯNG HÀ** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2022/DSST
Ngày: 05- 8- 2022
V/v *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯNG HÀ, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đắc Nghị

2. Bà Phạm Thị Huệ

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Trường- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lan Phương - Kiểm sát viên

Trong ngày 05 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 13/2022/TLST-DS ngày 02 tháng 6 năm 2022 về việc: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2022/QĐXX-ST ngày 27 tháng 6 năm 2022 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 02/2022/QĐST- DS ngày 19 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Lưu Văn D, sinh năm 1985

Địa chỉ: Thôn L, xã K, huyện H, tỉnh Thái Bình

2. Bị đơn: Anh Lưu Văn V, sinh năm 1984

Địa chỉ: Thôn T, xã K, huyện H, tỉnh Thái Bình

(Anh D có mặt tại phiên tòa. Anh V có mặt tại phiên tòa ngày 19/7/2022 và vắng mặt tại phiên tòa ngày 05/8/2022)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn là anh Lưu Văn D trình bày:

Anh và anh Lưu Văn V có quan hệ là bạn bè. Vào năm 2021, anh có cho anh Lưu Văn V vay tổng số tiền là 700.000.000 đồng (Bẩy trăm triệu đồng) thành nhiều đợt và có lập các giấy vay tiền. Mục đích anh V vay tiền để làm ăn

kinh tế. Anh và anh V thống nhất đến tháng 10/2021 anh V trả anh số tiền 500.000.000 đồng và đến tết nguyên đán năm 2021 (tháng 01/2022) anh V trả hết anh số tiền còn lại là 200.000.000 đồng. Tuy nhiên, tính đến tháng 5/2022 anh V mới trả anh được số tiền 150.000.000 đồng, số tiền còn lại 550.000.000 đồng anh V không trả cho anh mặc dù anh đã nhiều lần yêu cầu anh V trả. Nay anh yêu cầu anh V phải trả anh số tiền gốc còn nợ là 550.000.000 đồng (Năm trăm năm mươi triệu đồng) và yêu cầu tính lãi suất chậm trả từ ngày 01/02/2022 đến nay với mức lãi suất 0,83%/tháng cho đến khi anh V thanh toán trả hết nợ cho anh.

Bị đơn là anh Lưu Văn V trong biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa trình bày:

Năm 2021 anh có vay của anh D tổng số tiền là 700.000.000 đồng (bẩy trăm triệu đồng) thành nhiều đợt. Hai bên có viết 05 (năm) giấy vay tiền như anh D đã giao nộp cho Tòa án. Hai bên thỏa thuận lãi suất vay từ 2.000 đồng đến 3.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày. Hàng tháng anh vẫn trả tiền lãi đều cho anh D. Đến tháng 8/2021 âm lịch, do kinh tế quá khó khăn nên anh xin anh D không tĩnh lãi để anh trả dần tiền gốc, anh D đồng ý. Anh có hẹn anh D đến tết nguyên đán năm 2021 anh trả hết nợ nhưng do quá khó khăn nên cuối tháng 12/2021 âm lịch anh đã trả anh D 100.000.000 đồng và đến tháng 5/2022 anh trả tiếp anh D 50.000.000 đồng. Tổng cộng anh đã trả anh D là 150.000.000 đồng và anh còn nợ anh D là 550.000.000 đồng. Anh cam kết sẽ trả dần anh D số tiền còn nợ là 550.000.000 đồng (Năm trăm năm mươi triệu đồng). Anh không đồng ý tính lãi suất vì anh D đã nhất trí không tính lãi khoản tiền này.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến tại phiên toà: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đều tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa ngày 05/8/2022 nên chưa chấp hành đầy đủ theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 280, 357, 463, 466 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí và lệ phí Tòa án; Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là anh Lưu Văn D; buộc anh Lưu Văn V phải trả cho anh Lưu Văn D số tiền nợ gốc là 550.000.000 đồng và tiền lãi suất chậm trả tính từ ngày 01/02/2022 đến thời điểm xét xử sơ thẩm.

Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn là tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản. Bị đơn có nơi cư trú tại huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình và nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình giải quyết nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình theo quy định tại khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn và bị đơn được thực hiện từ tháng 01/2021 đến tháng 8/2021 và thỏa thuận đến tháng 01/2022 bị đơn hoàn trả khoản vay theo hợp đồng cho nguyên đơn nhưng bị đơn không trả. Ngày 02/6/2022, nguyên đơn có đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với bị đơn. Căn cứ Điều 429 Bộ luật Dân sự, xác định thời hiệu khởi kiện vẫn còn.

[3] Về nội dung tranh chấp: Nguyên đơn là anh Lưu Văn D khởi kiện yêu cầu bị đơn là anh Lưu Văn V phải trả anh số tiền nợ gốc còn lại của 05 khoản vay là 550.000.000 đồng (Năm trăm năm mươi triệu đồng) và tiền lãi suất chậm trả 0,83%/tháng tính từ ngày 01/02/2022. Chứng cứ nguyên đơn xuất trình là 05 (năm) giấy vay tiền, cụ thể: Giấy vay tiền ngày 18/01/2021, số tiền vay là 100.000.000 đồng; Giấy vay tiền ngày 24/02/2021, số tiền vay là 100.000.000 đồng; Giấy vay tiền ngày 05/7/2021, số tiền vay là 100.000.000 đồng; Giấy vay tiền ngày 12/7/2021 và ngày 20/7/2021, số tiền vay tổng là 200.000.000 đồng; Giấy vay tiền ngày 24/7/2021, số tiền vay là 100.000.000 đồng; Giấy vay tiền ngày 18/8/2021, số tiền vay là 100.000.000 đồng. Về phía anh V cũng đã xác nhận tổng số tiền vay và xác nhận còn nợ anh D số tiền là 550.000.000 đồng. Tuy nhiên anh V không đồng ý trả tiền lãi theo yêu cầu của anh D.

Xét việc vay tiền giữa anh D và anh V đã được hai bên xác nhận anh V còn nợ anh D số tiền gốc 550.000.000 đồng. Việc vay mượn tiền giữa hai bên không thể hiện thời hạn và tiền lãi suất. Anh V cũng không đưa ra được căn cứ xác định việc trước đó anh V đã trả tiền lãi hàng tháng cho anh D. Hai bên đã chốt số tiền gốc còn nợ và thỏa thuận đến tháng 01/2022 anh V trả hết số tiền gốc cho anh D. Song, đến nay anh V chưa thanh toán trả cho anh D số tiền gốc còn lại là

550.000.000 đồng. Do đó, căn cứ vào Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh D, buộc anh V phải tiền nợ gốc và tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả với mức lãi suất 0,83%/ tháng trên số tiền nợ gốc tính từ ngày 01/02/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 05/8/2022) là 06 tháng 05 ngày, cụ thể: 550.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 06 tháng 05 ngày = 28.150.835 đồng- làm tròn số là 28.151.000 đồng.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 280, 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là anh Lưu Văn D.

2. Buộc anh Lưu Văn V phải trả cho anh Lưu Văn D số tiền nợ gốc là 550.000.000 đồng và 28.151.000 đồng tiền lãi suất tính từ ngày 01/02/2022 đến thời điểm xét xử sơ thẩm. Tổng cộng, anh V phải trả anh D số tiền là 578.151.000 đồng (Năm trăm bẩy mươi tám triệu một trăm năm mươi mốt nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7; 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Anh Lưu Văn D không phải chịu án phí phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại anh D số tiền 13.000.000 (Mười ba triệu đồng) anh D đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003741 ngày 02/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

Anh Lưu Văn V phải nộp 27.126.040 đồng- làm tròn số là 27.126.000 đồng (Hai mươi bẩy triệu một trăm hai mươi sáu nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Hưng Hà,
- Các đương sự,
- Chi cục THA dân sự H.Hưng Hà,
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thế Hùng